TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2025/HNGĐ-ST
Ngày 31-3-2025
V/v: "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Duyên Văn Hiền**

2. Ông **Trần Hoàng Nghiệp**

***- Thư ký phiên tòa**:* Bà **Nguyễn Cẩm Hường** - Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Võ Phước E**, sinh năm 1997, địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1999, địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(Nguyên đơn và Bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh **Võ Phước E** trình bày:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và chị N xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nay, Nguyên đơn nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung Võ Gia B, sinh ngày 14/11/2015 (giới tính: Nam), cháu Võ Thành H, sinh ngày 04/02/2018 (giới tính: Nam), cháu Võ Như Ý, sinh ngày 27/4/2021(giới tính: Nữ), hiện các cháu đang sống chung với Nguyên đơn. Khi ly hôn, Nguyên đơn yêu cầu giải quyết cho Nguyên đơn

được quyền nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành, không có yêu cầu chị N phải cấp nuôi dưỡng nuôi các cháu.

Về tài sản, nợ: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

- Đối với bị đơn chị **Nguyễn Thị Hồng N**: Từ khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Vụ án ở giai đoạn chuẩn bị xét xử, chị N cung cấp cho Toà án Bản tự khai (trong đó chị N yêu cầu xét xử vắng mặt) ngày 13/02/2025, chị N trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất với ý kiến trình bày của anh Em. Nay, Bị đơn đồng ý ly hôn với anh Em.

Về con chung: Thống nhất với ý kiến trình bày của anh Em. Nay, Bị đơn đồng ý giao các cháu cho anh Em tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, Bị đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án ghi nhận ý kiến của cháu B ngày 19/02/2025, cháu B có nguyện vọng được sống chung với anh Em.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn và Bị đơn đã có yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Đối với Nguyên đơn và Bị đơn đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần xét xử vắng mặt đối với Nguyên đơn và Bị đơn là phù hợp.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Được xác định là "Tranh chấp về Ly hôn", do Bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Từ đó, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2018 do Ủy ban nhân dân xã K cấp ngày 11/01/2018, cho thấy anh Em và chị N đã được Ủy ban nhân dân xã K cấp Giấy chứng nhận. Như vậy về mặt hôn nhân các đương sự là hợp pháp

theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Em xác định: Quá trình chung sống, giữa Nguyên đơn và chị N đã phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được, nên Nguyên đơn khởi kiện để được ly hôn với chị N.

Mặt khác, tại Bản tự khai (trong đó chị N yêu cầu xét xử vắng mặt) ngày 13/02/2025 chị N thống nhất ly hôn với anh Em.

Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có nghĩa vụ chung sống với nhau. Mặt khác, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: "Điều 4. Ly hôn theo yêu cầu của một bên quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. 3. "Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được" là thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng;".

Xét, hôn nhân giữa anh Em và chị N đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự ly hôn giữa anh Em và chị N là phù hợp với Điều 51; Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Giữa anh Em và chị N có 03 người con chung Võ Gia B, sinh ngày 14/11/2015 (giới tính: Nam), cháu Võ Thành H, sinh ngày 04/02/2018 (giới tính: Nam), cháu Võ Như Ý, sinh ngày 27/4/2021 (giới tính: Nữ), hiện các cháu đang sống chung với Nguyên đơn. Khi ly hôn, Nguyên đơn yêu cầu giải quyết cho Nguyên đơn được quyền nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành, chị N cũng đồng ý.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "...; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 31/3/2025 thì cháu B đã trên 07 tuổi, phải ghi nhận nguyện vọng của cháu. Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của Toà án đối với cháu B ngày 19/02/2025, cháu B có nguyện vọng được sống chung với anh Em, các cháu còn lại dưới 07 tuổi.

Do đó Hội đồng xét xử, xét vì lợi ích của con chung, đảm bảo ổn định trong cuộc sống, cần giao các cháu cho anh Em được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, phù hợp với khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[3] **Về án phí**: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên anh Em phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Phước E.

1/ Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Võ Phước E và chị Nguyễn Thị Hồng N.

2/ Về con chung: Giao cháu Võ Gia B, sinh ngày 14/11/2015 (giới tính: Nam), cháu Võ Thành H, sinh ngày 04/02/2018 (giới tính: Nam), cháu Võ Như Ý, sinh ngày 27/4/2021 (giới tính: Nữ) cho anh Võ Phước E được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3/ Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết ở vụ án khác.

4/ Về án phí: Anh Võ Phước E phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, đối trừ với số tiền 300.000 đồng mà anh Em đã dự nộp tại Biên lai thu 0005137 ngày 20/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Quang